TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T - TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

Ông Nguyễn Văn Triệu.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh V mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Thạch Chane Rắc Sa N, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TA, xã L, huyện T, tỉnh V.

- *Bị đơn*: Chị Thạch Thị T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thạch Chane Rắc Sa N trình bày: Năm 2010 anh và chị Thạch Thị T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh V. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống và làm việc tại Thành phố HCM. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên

đã ly thân khoảng 10 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn thể gắn được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Thạch Thị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Sau khi thụ lý, Tòa án nhân huyện T đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải để các đương sự cơ hội đoàn tụ, thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại phiên họp, hòa giải bị đơn chị Thạch Thị T đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành việc kiểm tra chứng cứ và hòa giải được. Do đó Tòa án nhân dân huyện T lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ. Trên cơ sở đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản xác minh. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thạch Chane Rắc Sa N, cho anh và chị Thạch Thị T ly hôn. Con chung, tài sản chung và nợ chung anh N xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn anh Thạch Chane Rắc Sa N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Thạch Thị T, chị T có nơi cư trú tại ấp C, xã H, huyện T, tỉnh V. Con chung, tài sản và nợ chung anh N xác định không có. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V đưa bị đơn là anh Thạch Thị T tham gia tố tụng, thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại các Điều 68, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do chị T vắng mặt đến lần thứ hai. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Năm 2010 anh Thạch Chane Rắc Sa N và chị Thạch Thi T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh V nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung anh N trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã ly thân khoảng 10 năm nay. Vì mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị T.

Xét yêu cầu của anh N cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận. Vì sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gởi đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T. Tòa án cũng tiến hành xác minh ghi lời khai ba ruột chị T là ông Thạch S, được ông S xác nhận việc Tòa án gởi đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T, ông có nhận và có thông báo cho chị T biết, chị T biết nhưng do đi làm xa, không nghĩ phép được nên không về, mâu thuẫn giữa chị T và anh N là có hai người sống ly thân 07-08 năm nay và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Mặc dù chị T biết được việc anh N làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và được Tòa án gởi giấy mời hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không đến, như vậy chứng minh chị T không có thiện chí mong muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm với anh N. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của anh N và chị T không còn, hai người ly thân từ năm 2012 đến nay bỏ mặc nhau, không yêu thương giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh N cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch Chane Rắc Sa N.

- Về hôn nhân: Cho anh Thạch Chane Rắc Sa N được ly hôn với chị Thạch Thị T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Thạch Chane Rắc Sa N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Thạch Chane Rắc Sa N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012153 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh V, anh N không phải nộp thêm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh V;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Bảo Trân

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành.
- UBND xã Long Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA